**PHỤ LỤC**

**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số..... /2022/NQ-HĐND ngày....tháng .. năm 2022 của*

*Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**I. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

*1. Phân bổ vốn đầu tư*

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

*2. Phân bổ vốn sự nghiệp*

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

**II. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

*1. Phân bổ vốn đầu tư*

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục II, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

*2. Phân bổ vốn sự nghiệp*

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục II, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

**III. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

*1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp: Thực hiện theo quy định tại tại Phụ lục III, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

*2. Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục III, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Sơn Động: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục III, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

b) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không quá 30% tổng vốn để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Phân bổ vốn cho các huyện: Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư cho các huyện, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK trong xã khu vực I, khu vực II.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) | 28 | a | 28 x a |
| 5 | Mỗi thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I, II (*Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã*). | 5 | b | 5 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ai** |

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo xã ĐBKK

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** (xã) | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1% hộ nghèo của xã ĐBKK | 0,15 | a | 0,15 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Bi** |

+ Tiêu chí xã khu vực I, II có trên 4 thôn ĐBKK

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** (xã) | **Tổng số điểm** |
| 1 | Xã khu vực I, II có trên 4 thôn ĐBKK | 1,5 | a | 1,5 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ci** |

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBDT) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); Tỷ lệ hộ nghèo được xác định theo Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt kết quả Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025) của năm trước năm kế hoạch.

Tổng số điểm Xi của huyện thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: Xi = Ai + Bi+ Ci

**IV. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**

*Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện nội dung cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã; đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp trạm y tế; đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp chợ: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

c) Phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK, xã có thôn ĐBKK: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn trong xã ĐBKK, thôn ĐBKK trong xã khu vực I, khu vực II:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) | 93 | a | 93 x a |
| 2 | Mỗi xã ĐBKK có từ 10 thôn trở lên | 7 | a­1 | 7 x a­1 |
| 3 | Mỗi xã ĐBKK có từ 6-9 thôn | 5 | a­2 | 5 x a2 |
| 4 | Mỗi xã ĐBKK có từ 5 thôn trở xuống | 3 | a3 | 3 x a­3 |
| 5 | Mỗi thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I, II (*Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã*). | 15 | b | 15 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ai** |

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo xã ĐBKK

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** (xã) | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1% hộ nghèo của xã ĐBKK | 0,25 | a | 0,25 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Bi** |

+ Tiêu chí xã khu vực I, II có trên 4 thôn ĐBKK

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** (xã) | **Tổng số điểm** |
| 1 | Xã khu vực I, II có trên 4 thôn ĐBKK | 3 | a | 3 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ci** |

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số số 612/QĐ-UBDT và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); Tỷ lệ hộ nghèo theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt kết quả Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

Tổng số điểm Xi của xã thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: Xi = Ai + Bi+ Ci

\* Phân bổ 90% vốn đầu tư phát triển cho các các xã ĐBKK, thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III  theo quy định trên. Số vốn còn lại (10%) của huyện phân bổ để đầu tư các công trình hạ tầng liên xã, công trình có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên đầu tư công trình giao thông, thủy lợi.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không

b) Phân bổ vốn cho huyện, xã: 100% vốn.

\* Phân bổ vốn hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây dựng mới và cải tạo: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

\* Các nội dung còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn trong xã ĐBKK; thôn ĐBKK trong xã khu vực I, khu vực II:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III) | 93 | a | 93 x a |
| 2 | Mỗi xã ĐBKK có từ 10 thôn trở lên | 7 | a­1 | 7 x a­1 |
| 3 | Mỗi xã ĐBKK có từ 6-9 thôn | 5 | a­2 | 5 x a2 |
| 4 | Mỗi xã ĐBKK có từ 5 thôn trở xuống | 3 | a3 | 3 x a­3 |
| 5 | Mỗi thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I, II (*Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã*). | 15 | b | 15 x b |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ai** |

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo xã ĐBKK

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** (xã) | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1% hộ nghèo của xã ĐBKK | 0,25 | a | 0,25 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Bi** |

+ Tiêu chí xã khu vực I, II có trên 4 thôn ĐBKK

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** (xã) | **Tổng số điểm** |
| 1 | Xã khu vực I, II có trên 4 thôn ĐBKK | 3 | a | 3 x a |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Ci** |

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số số 612/QĐ-UBDT và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); Tỷ lệ hộ nghèo theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 2788/QĐ-UBD ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt kết quả Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

Tổng số điểm Xi của huyện, xã thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: Xi = Ai + Bi+ Ci

**V. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

*1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số*

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục V, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 65%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục V, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

*2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc 100%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Không.

*3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi*

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục V, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

***4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình 2021-2025 ở các cấp***

4.1. Phân bổ vốn vốn đầu tư: Không.

4.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc 100%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Không.

**VI. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, xã: Thực hiện theo quy định tại phụ lục VI, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quá 45%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, xã: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

**VII**. **Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

**VIII. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 30%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục VIII, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

**IX. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

*Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc không quá 50%.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục IX, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

**X. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

*1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia*

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành tỉnh: Không quá 80% (Ban Dân tộc và Sở Tư pháp).

b) Phân bổ cho các huyện: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục X, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

*2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: 100%.

b) Phân bổ cho các huyện: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho sở, ngành tỉnh: 100% (Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc và Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

b) Phân bổ cho các huyện: Không.

*3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình*

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các sở, ngành tỉnh: Không quá 55% (Ban Dân tộc không quá 45%; các sở, ngành tỉnh trực tiếp quản lý, chỉ đạo các Dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình không quá 02%/sở, ngành).

b) Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã khu vực III | 5 | a | 5 x a |
| 2 | Mỗi xã khu vực II | 2 | b | 2 x b |
| 3 | Mỗi xã khu vực I | 1 | c | 1 x c |
| 4 | Huyện điểm | 20 | d | 20 x d |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Xã khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); Huyện điểm được xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền./.